

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 91/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện  
03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, tỉnh Bắc Giang**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 22

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của  
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022  
của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục  
tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của  
Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày  
19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện  
các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của  
Quốc hội Về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục  
tiêu quốc gia;*

*Xét Tờ trình số 430/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách; ý kiến thảo luận  
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương  
trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, tỉnh Bắc Giang

1. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Điều chỉnh tăng 17.000 triệu đồng vốn ngân sách tỉnh cho Dự án 1 (Hỗ trợ  
đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo) thuộc Chương trình mục  
tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Giang, cụ thể:

- Điều chỉnh tăng 1.150 triệu đồng vốn ngân sách tỉnh cho dự án: Cải tạo,  
nâng cấp đường từ thôn Chung Sơn, xã Lệ Viễn đi Tổ dân phố Đình, thị trấn An

Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang thuộc Tiểu dự án 1 (Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo).

- Điều chỉnh tăng 15.850 triệu đồng vốn ngân sách tỉnh cho Tiểu dự án 2 (Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo), gồm:

+ Điều chỉnh tăng 11.300 triệu đồng vốn ngân sách tỉnh cho dự án: Cải tạo, nâng cấp đường liên xã An Bá - Tuấn Đạo - Thanh Luận, huyện Sơn Động.

+ Điều chỉnh tăng 4.550 triệu đồng vốn ngân sách tỉnh cho dự án: Cải tạo, nâng cấp đường liên xã An Bá - Tuấn Đạo, huyện Sơn Động.

*(Chi tiết theo Biểu số 01 kèm theo)*

2. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Điều chỉnh số tiền 25.766 triệu đồng, trong đó: Vốn ngân sách trung ương 23.227 triệu đồng, vốn ngân sách tỉnh 2.539 triệu đồng, cụ thể:

2.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

a) Hỗ trợ đất ở, nhà ở

- Điều chỉnh giảm: Nội dung hỗ trợ đất ở, nhà ở 184 hộ (từ 930 hộ xuống còn 746 hộ), số vốn 8.580 triệu đồng của huyện Sơn Động, trong đó: ngân sách Trung ương 7.800 triệu đồng, ngân sách tỉnh 780 triệu đồng. Số hộ sau điều chỉnh là 746 hộ, số vốn sau điều chỉnh 32.824 triệu đồng (ngân sách trung ương 29.840 triệu đồng, ngân sách tỉnh 2.984 triệu đồng).

- Điều chỉnh tăng:

+ Huyện Lục Nam: Điều chỉnh tăng số vốn 88 triệu đồng (ngân sách trung ương 80 triệu đồng, ngân sách tỉnh 8 triệu đồng), nội dung hỗ trợ đất ở, nhà ở.

+ Huyện Yên Thế: Điều chỉnh tăng số vốn 396 triệu đồng (ngân sách trung ương 360 triệu đồng, ngân sách tỉnh 36 triệu đồng), nội dung hỗ trợ đất ở, nhà ở.

b) Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung

- Điều chỉnh giảm 934 triệu đồng ngân sách trung ương ở nội dung hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung huyện Lục Ngạn; số vốn sau điều chỉnh 4.666 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng 8.294 triệu đồng ngân sách trung ương để thực hiện các nội dung sau:

+ Điều chỉnh tăng 5.844 triệu đồng ngân sách trung ương cho huyện Sơn Động để thực hiện đầu tư bổ sung 02 công trình nước sinh hoạt tập trung ở các xã, thôn ĐBK.

+ Điều chỉnh tăng 2.450 triệu đồng ngân sách trung ương cho huyện Lục Nam để thanh toán khối lượng đã hoàn thành 4 công trình nước sinh hoạt tập trung.

*(Chi tiết theo Biểu số 02 kèm theo)*

2.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

Điều chỉnh tăng 2.495 triệu đồng ngân sách tỉnh để thực hiện Dự án Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tại chỗ thuộc thôn Sản, Dân và Dân 3, xã Hữu Sản; Tổ dân phố Mậu, Tổ dân phố Thanh Chung; thị trấn Tây Yên Tử; thôn

Đông Riều, thôn Đông Mạ, thôn Bán, xã Dương Hữu; thôn Lộ, xã Lệ Viễn; thôn Góc Sau, xã Giáo Liêm, huyện Sơn Động.

2.3. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

Điều chỉnh tăng 13.395 triệu đồng vốn đầu tư ngân sách trung ương để thực hiện nội dung xây dựng, cải tạo nâng cấp chợ; cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã, liên xã; đầu tư cơ sở hạ tầng các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn, cụ thể:

- Điều chỉnh tăng 473 triệu đồng vốn đầu tư ngân sách trung ương để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn.

- Điều chỉnh tăng 4.182 triệu đồng vốn đầu tư ngân sách trung ương để thực hiện xây dựng mới chợ Xuân Lương, huyện Yên Thế. Tổng số vốn sau điều chỉnh nội dung xây dựng, cải tạo nâng cấp chợ là 17.112 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng 8.740 triệu đồng, vốn đầu tư ngân sách trung ương để thực hiện Dự án Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Hương Lạc - Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

*(Chi tiết theo Biểu số 02, 2.1, 2.2 kèm theo)*

2.4. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Điều chỉnh giảm 1.759 triệu đồng vốn đầu tư, ngân sách tỉnh của dự án đầu tư cơ sở vật chất các trường PTDTNT tỉnh, PTDTNT huyện Sơn Động, PTDTNT huyện Lục Ngạn theo chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 thuộc Tiểu dự án 1 Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

*(Chi tiết theo Biểu số 02, 2.2 kèm theo)*

2.5. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

- Điều chỉnh giảm 1.098 triệu đồng thực hiện Dự án 6 của huyện Lục Ngạn, số vốn sau điều chỉnh là 5.363 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng 1.098 triệu đồng thực hiện Dự án 6 của Thị xã Chũ, số vốn sau điều chỉnh là 1.089 triệu đồng.

*(Chi tiết theo Biểu số 02 kèm theo)*

2.6. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

Điều chỉnh giảm 13.395 triệu đồng ngân sách trung ương để thực hiện Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Số vốn sau điều chỉnh là 4.454 triệu đồng để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp phòng họp trực tuyến tại Ban Dân tộc và 04 huyện Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Thế.

(Chi tiết theo Biểu số 02 kèm theo)

### 3. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

#### 3.1. Điều chỉnh vốn đầu tư ngân sách Trung ương

- Điều chỉnh giảm 35.724 triệu đồng thuộc nội dung Hỗ trợ hợp tác xã và dự phòng.

- Điều chỉnh giảm 10.000 triệu đồng thuộc nội dung Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

- Điều chỉnh tăng 45.724 triệu đồng nội dung tổng kế hoạch vốn cho các xã của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

(Chi tiết theo Phụ lục số 3.I)

#### 3.2. Điều chỉnh vốn đầu tư ngân sách tỉnh:

- Điều chỉnh giảm 2.600 triệu đồng nội dung Khen thưởng địa phương làm tốt.

- Điều chỉnh giảm 20.600 triệu đồng nội dung Hỗ trợ hợp tác xã và dự phòng.

- Điều chỉnh tăng 1.000 triệu đồng nội dung tổng kế hoạch vốn cho các xã của UBND các huyện, thị xã, thành phố (giao cho xã Hùng Thái huyện Hiệp Hòa).

- Điều chỉnh tăng 22.200 triệu đồng nội dung huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (huyện Tân Yên).

(Chi tiết theo Phụ lục số 3.II)

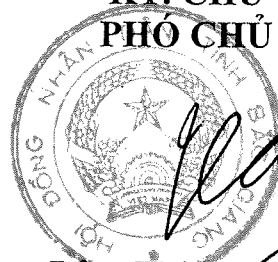
**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 22 thông qua./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Thường trực: Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy; HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

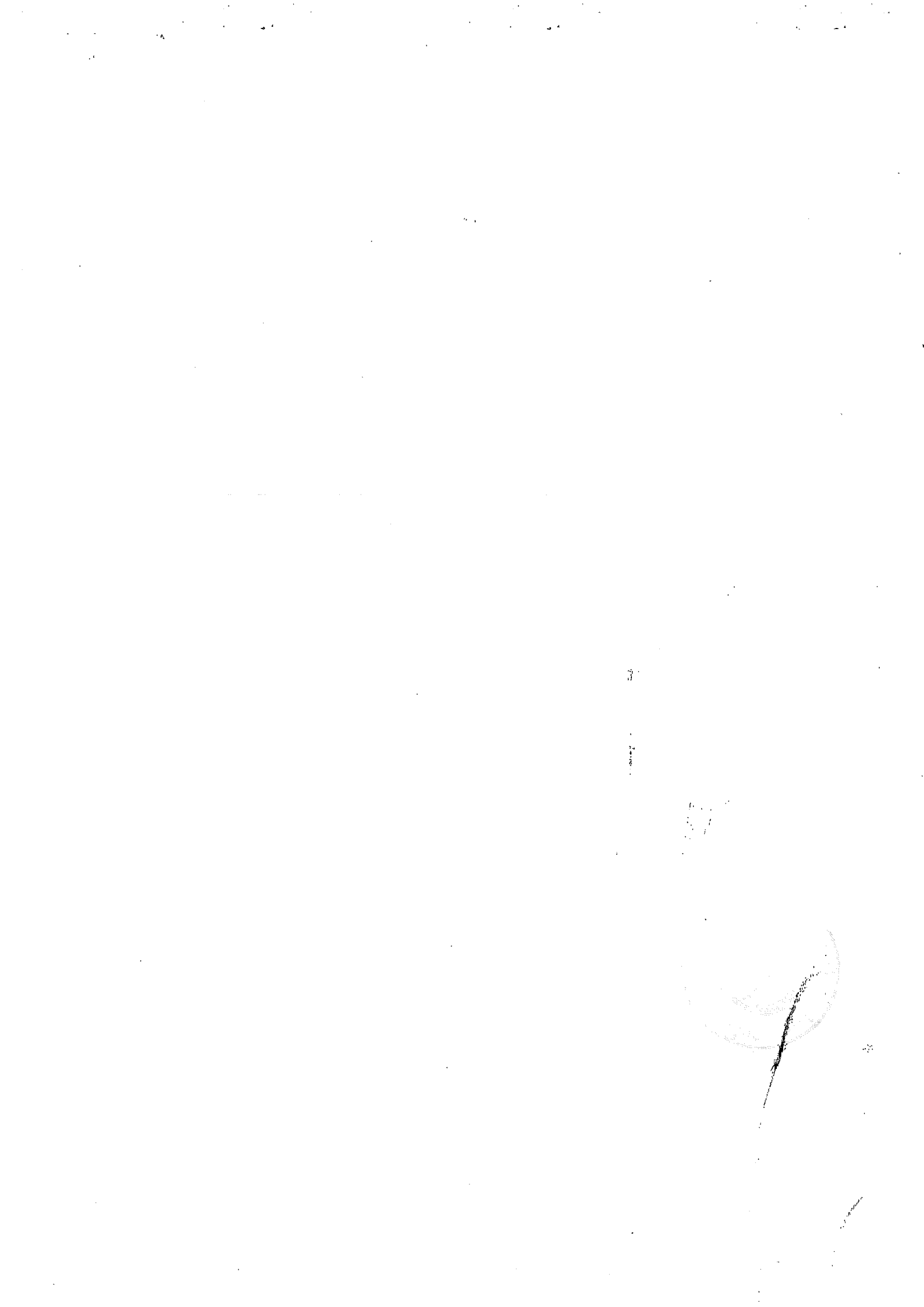


**Lâm Thị Hương Thành**

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH BẮC GIANG

Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo  
(Kèm theo Nghị quyết số 9/NQ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

STT	Danh mục	Chức danh tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao tại Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022; 509/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của UBND tỉnh				Điều chỉnh trong hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh sau điều chỉnh			
						Số quyết định, ngày, năm ban hành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		TMDT		Trong đó		Tổng số		Trong đó		Tổng số	Trong đó
						Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh				
	<b>TỔNG SỐ</b>						319.640	237.318	45.000	265.318	237.318	28.000	17.000	282.318	237.318	45.000			
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo						199.640	147.891	28.000	174.741	147.891	26.850	1.150	175.891	147.891	28.000			
1.1	Cải tạo nâng cấp đường Vĩnh An - Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã Vĩnh An - Vân Sơn, huyện Sơn Động	2022-2024	Đường dài 9,9km; Tiêu chuẩn đường giao thông cấp IV miền núi		78.640	58.351	11.000	69.351	58.351	11.000		69.351	58.351	11.000			
1.2	Nâng cấp đường xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động đi xã Đèo Gia, huyện Lục Ngạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã Tuấn Đạo, huyện Sơn Động	2022-2024	Đường dài 3,42km; Tiêu chuẩn đường giao thông cấp IV miền núi		64.000	47.360	9.000	56.360	47.360	9.000		56.360	47.360	9.000			
1.3	Cải tạo, nâng cấp đường từ thôn Chung Sơn, xã Lê Viên đi Tô dân phố Đình, thị trấn An Châu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã Lê Viên, Thị trấn An Châu, huyện Sơn Động	2023-2025	Đường dài 3,0 km; Tiêu chuẩn đường giao thông cấp IV miền núi		57.000	42.180	8.000	49.030	42.180	6.850	1.150	50.180	42.180	8.000			
2	Tiểu dự án 2: Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo						120.000	89.427	17.000	90.577	89.427	1.150	15.850	106.427	89.427	17.000			
2.1	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã An Bá - Tuấn Đạo - Thanh Luận, huyện Sơn Động	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã An Bá, Tuấn Đạo, Thanh Luận	2023-2025	Đường dài 12,036 km; Tiêu chuẩn đường giao thông cấp IV miền núi		72.000	50.427	12.000	51.127	50.427	700	11.300	62.427	50.427	12.000			
2.2	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã An Bá - Tuấn Đạo, huyện Sơn Động	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	xã An Bá, Tuấn Đạo, Thanh Luận	2023-2025	Đường dài 7,3km; Tiêu chuẩn đường giao thông cấp IV miền núi		48.000	39.000	5.000	39.450	39.000	450	4.550	44.000	39.000	5.000			



**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025, TỈNH BẮC GIANG**

*(Kèm theo Nghị quyết số 9/1/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

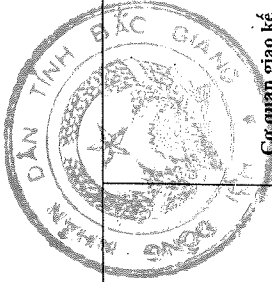
Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Cơ quan giao kế hoạch chi tiết/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 (đã giao tại Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022; Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 20/4/2023; Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 25/5/2023; Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 12/12/2023; Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh			Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 (sau điều chỉnh, bổ sung)			Ghi chú				
			Trong đó		Vốn Ngân sách trung ương		Vốn Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó			Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		
			Tổng số	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Ghi chú	Tổng số	Điều chỉnh tăng		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				Điều chỉnh tăng	
	<b>Tổng số</b>		1.018.063	791.063	227.000	0	638.075	554.471	188.473	23.227	2.539	2.539	1.018.063	791.063	227.000	
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>		88.938	85.218	3.720		30.096	68.165	2.736	8.734	780	44	88.202	85.218	2.984	
1	Hỗ trợ đất ở, nhà ở		40.920	37.200	3.720	930 hộ	30.096	27.360	2.736	7.800	440	44	32.824	29.840	2.984	
1.1	Huyện Sơn Động		12.056	10.960	1.096	274	3.476	3.160	316	7.800			3.476	3.160	316	79
1.2	Huyện Lục Ngạn		15.400	14.000	1.400	350	14.080	12.800	1.280		0	0	15.400	14.000	1.400	350
1.3	Huyện Lục Nam	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	10.912	9.920	992	248	9.988	9.080	908		80	8	11.000	10.000	1.000	250
1.4	Huyện Yên Thế		2.288	2.080	208	52	2.288	2.080	208		360	36	2.684	2.440	244	61
1.5	Huyện Lạng Giang		264	240	24	6	264	240	24				264	240	24	6
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ nước sinh hoạt</b>		48.018	48.018	0	18 CT		40.805			934	0	55.378	55.378	0	20 CT
2.1	Huyện Sơn Động		33.400	33.400		12		27.121			5.844		39.244	39.244		14
2.2	Huyện Lục Ngạn	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	5.600	5.600		2		4.666			934		4.666	4.666		2
2.3	Huyện Lục Nam		9.018	9.018		4		9.018			2.450		11.468	11.468		4
<b>II</b>	<b>Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết</b>	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động, Yên Thế	49.146	49.146	0		27.434	27.434		0	0	0	51.641	49.146	2.495	Chi tiết tại Biểu 3

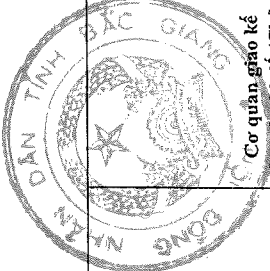




Stt	Danh mục	Cơ quan giao kế đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 (đã giao tại Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022; Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 20/4/2023; Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 25/5/2023; Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 12/12/2023; Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh)		Lũy kế kế hoạch vốn đã cấp đến 31/10/2024		Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 (sau điều chỉnh, bổ sung)				Ghi chú				
			Tổng số	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Chi chú	Tổng số	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Vốn Ngân sách trung ương	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Vốn Ngân sách trung ương	Điều chỉnh tăng		Điều chỉnh giảm	Tổng số	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị		34.339	34.339	0	0													
1	Tiểu dự án 2: Đầu tư phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệt kê, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vãng đồng bảo đảm bảo dân tộc thiểu số và miền núi.		34.339	34.339															
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		599.446	475.666	123.780	0	392.318	358.285	98.097										
1	Nội dung 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		599.446	475.666	123.780	0	392.318	358.285	98.097										
1.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng xã, thôn bản đặc biệt khó khăn		363.258	347.158	16.100	0	207.754	255.718	16.100										
*	Phân bổ cho các huyện, xã	HDND huyện, thị xã giao kế hoạch chi tiết	342.158	342.158			186.654	250.718											Chi tiết tại Biểu 2



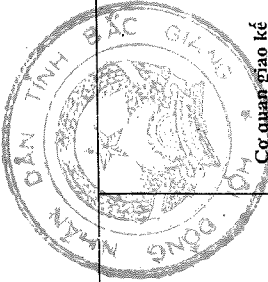




Stt	Đanh mục	Cơ quan giao kế hoạch chi tiêu/Chủ đầu tư; đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 (đã giao tại Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022; Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 20/4/2023; Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 25/5/2023; Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 12/12/2023; Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh)				Lũy kế kế hoạch vốn đã cấp đến 31/10/2024				Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 (sau điều chỉnh, bổ sung)				Ghi chú					
			Tổng số	Trong đó		Chi chủ	Tổng số	Trong đó		Vốn Ngân sách trung ương		Vốn Ngân sách tỉnh		Vốn Ngân sách trung ương		Vốn Ngân sách tỉnh		Tổng số		Trong đó				
				Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh			Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	
*	Dự án đầu tư xây dựng đường dẫn và cầu Suối Xá, xã Cẩm Đàn, huyện Sơn Động	BQLDA huyện Sơn Động	21.100	5.000	16.100	21.100	5.000	16.100						21.100	5.000	16.100						5.000	16.100	
1.2	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã, liên xã		217.178	109.498	107.680	165.554	83.557	81.997						225.918	118.238	107.680						118.238	107.680	
1.3	Xây dựng, cải tạo nâng cấp chợ	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	12.930	6.080		12.930	12.930							17.112	17.112							17.112		Chi tiết tại Biểu.2
1.4	Cải tạo nâng cấp trạm y tế xã	UBND huyện giao kế hoạch chi tiết	6.080	6.080		6.080	6.080							6.080	6.080							6.080		Chi tiết tại Biểu.2
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		193.827	94.327	99.500	176.119	88.479	87.640	0					192.068	94.327	97.741	0					94.327	97.741	
I	Tiêu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số		193.827	94.327	99.500	176.119	88.479	87.640						192.068	94.327	97.741	1.759					94.327	97.741	Chi tiết tại biểu 3
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		34.518	34.518	0	8.108	8.108	0						1.098	1.098	0						1.098	34.518	



Stt	Danh mục	Cơ quan giao kế hoạch chi tiết/Chủ đầu tư, đơn vị chủ trì thực hiện	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 (đã giao tại Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022; Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 20/4/2023; Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 25/5/2023; Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 12/12/2023; Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh			Lấy kế hoạch vốn đã cấp đến 31/10/2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 (sau điều chỉnh, bổ sung)			Ghi chú			
			Tổng số	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Ghi chú	Tổng số	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Vốn Ngân sách trung ương	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Tổng số		Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	
	Trong đó:		6.452	6.452		4.054	4.054						6.452	6.452					
1	Huyện Lục Ngạn + Huyện Lục Ngạn (sau sáp xếp theo Nghị quyết số 1191/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024) + Thị xã Chủ (sau sáp xếp theo Nghị quyết số 1191/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024)	HĐND huyện, thị xã giao kế hoạch chi tiết	6.452	6.452		4.054	4.054						1.098	1.098				5.354	5.354
			17.849	17.849	0	4.000	4.000	0					13.395	13.395	0	0	0	4.454	4.454
VI	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		17.849	17.849	0	4.000	4.000	0					13.395	13.395	0	0	0	4.454	4.454
1	Tiền dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		17.849	17.849		4.000	4.000						13.395	13.395				4.454	4.454





**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAO CHO UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ; XÃ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

*ĐVT: triệu đồng*

Stt	Tên đơn vị	Số xã đặc biệt khó khăn	Số thôn bản đặc biệt khó khăn	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025				
				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 (đã giao tại Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022; Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 12/12/2023)	Lũy kế vốn đã cấp đến 31/10/2024	Điều chỉnh vốn Ngân sách trung ương		Kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh
						Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	
	<b>TỔNG SỐ</b>	28	66	361.168	263.852	7.338	11.993	365.823
<b>I</b>	<b>HUYỆN LẠNG GIANG</b>		2	2.810	2.045	0	89	2.899
1	Xã Hương Sơn <sup>(1)</sup>		2	2.810	2.045		89	2.899
<b>II</b>	<b>HUYỆN SƠN ĐỘNG</b>	14	16	162.206	120.124	2.479	3.324	163.051
1	Thị trấn An Châu			5.311	3.862		166	5.477
2	Xã Long Sơn			3.794	2.759		119	3.913
3	Xã Tuấn Đạo			5.311	3.862		166	5.477
4	TT. Tây Yên Tử			8.756	6.368		275	9.031
5	Xã Dương Hưu <sup>(2)(3)</sup>			10.191	7.826	574		9.617
6	Xã Hữu Sản			8.822	6.415		276	9.098
7	Xã An Lạc			9.191	6.685		289	9.480
8	Xã Vân Sơn <sup>(2)</sup>			12.932	10.545		274	13.206
9	Xã Lệ Viễn			8.857	6.441		277	9.134
10	Xã Vĩnh An <sup>(3)</sup>			9.771	7.314	665		9.106
11	Xã An Bá <sup>(3)</sup>			9.597	7.187		277	9.874
12	Xã Yên Định			8.880	6.457	620		8.260
13	Xã Cẩm Đàn <sup>(3)</sup>			9.861	7.378		284	10.145
14	Xã Thanh Luận			8.768	6.377		275	9.043
15	Xã Đại Sơn <sup>(2)(3)</sup>			13.787	11.374	620		13.167
16	Xã Phúc Sơn			9.074	6.600		285	9.359
17	Xã Giáo Liêm <sup>(1)</sup>			19.303	12.674		361	19.664
<b>III</b>	<b>HUYỆN LỤC NGẠN (sau sắp xếp theo Nghị quyết số 1191/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024)</b>	9	14	104.360	76.603	518	2.858	106.700
1	Xã Sa Lý			8.501	6.182		266	8.767
2	Xã Phong Minh			8.582	6.241		269	8.851
3	Xã Phong Vân			8.798	6.398		275	9.073
4	Xã Tân Sơn <sup>(1)(3)</sup>			19.787	14.529	518		19.269
5	Xã Cẩm Sơn <sup>(2)(3)</sup>			10.027	7.707		267	10.294
6	Xã Hộ Đáp			8.650	6.290		270	8.920
7	Xã Sơn Hải			8.585	6.244		270	8.855
8	Xã Phú Nhuận <sup>(2)</sup>			9.713	7.272		281	9.994
9	Xã Đèo Gia			8.819	6.361		172	8.991





Stt	Tên đơn vị	Số xã đặc biệt khó khăn	Số thôn bản đặc biệt khó khăn	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025				
				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 (đã giao tại Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022; Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 12/12/2023)	Lũy kế vốn đã cấp đến 31/10/2024	Điều chỉnh vốn Ngân sách trung ương		Kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh
						Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	
10	Xã Tân Lập			5.311	3.862		166	5.477
11	Xã Kim Sơn			2.529	1.838		78	2.607
12	Xã Biên Sơn			1.265	920		424	1.689
13	Xã Tân Hoa			3.793	2.759		120	3.913
<b>IV</b>	<b>THỊ XÃ CHỦ</b> (sau sắp xếp theo Nghị quyết số 1191/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024)	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>2.530</b>	<b>1.840</b>	<b>345</b>	<b>83</b>	<b>2.268</b>
1	Xã Thanh Hải (sau sắp xếp theo Nghị quyết số 1191/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024 là Phường Thanh Hải)			1.265	920	345		920
2	Xã Kiên Thành			1.265	920		83	1.348
<b>V</b>	<b>HUYỆN LỤC NAM</b>	<b>4</b>	<b>15</b>	<b>55.883</b>	<b>38.759</b>	<b>3.996</b>	<b>437</b>	<b>52.324</b>
1	Xã Bình Sơn <sup>(2)</sup>			8.331	5.330	1.314		7.017
2	Xã Lục Sơn <sup>(1)</sup>			10.570	6.727	800		9.770
3	Xã Trường Sơn			7.514	4.529	1.315		6.199
4	Xã Vô Tranh <sup>(2)(3)</sup>			9.152	6.880	567		8.585
5	Xã Trường Giang			3.794	2.759		119	3.913
6	Xã Nghĩa Phương			5.311	3.862		166	5.477
7	Xã Tam Dị <sup>(1)</sup>			7.418	5.913		32	7.450
8	Xã Bảo Sơn			3.793	2.759		120	3.913
<b>VI</b>	<b>HUYỆN YÊN THẾ</b>	<b>1</b>	<b>19</b>	<b>33.379</b>	<b>24.481</b>	<b>0</b>	<b>5.202</b>	<b>38.581</b>
1	Xã Đông Vương <sup>(1)</sup>			10.118	7.605		107	10.225
2	Xã Đông Tiến			5.311	3.862		166	5.477
3	Xã Canh Nậu <sup>(2)</sup>			6.072	4.623		166	6.238
4	Xã Tiến Thắng <sup>(1)</sup>			5.555	3.795		385	5.940
5	Xã Đông Hưu			2.529	1.838		78	2.607
6	Xã Tân Hiệp			1.265	920		40	1.305
7	Xã Đông Sơn			2.529	1.838		78	2.607
8	Xã Xuân Lương <sup>(2)</sup>			0			4.182	4.182

**Ghi chú:**

- (1) Xã có công trình đặc thù (10%) theo Nghị quyết số 01/2022/HĐND ngày 06/4/2022 của HĐND tỉnh;

- (2) Xã có công trình xây dựng, cải tạo nâng cấp chợ;

- (3) Xã có công trình cải tạo nâng cấp trạm y tế xã;

- Số vốn phân bổ cho các huyện, xã điều chỉnh, thay đổi khi các xã khu vực III, khu vực II được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (theo quy định tại Điều 3, Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của TTCP phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025),

- HĐND huyện, thị xã giao kế hoạch chi tiết



**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO ĐÀN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIẢI ĐOẠN 2021-2025**  
(Kèm theo Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

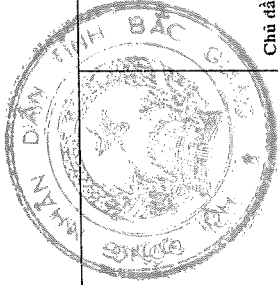
Stt	Dan h mục	Chức đ ầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Điều chỉnh kế hoạch 2021-2025				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành.	Tổng mức đầu tư	Trong đó:		Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh		Tổng số	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh			
						Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng						
	<b>Tổng số</b>				129.015	80.360	40.388	106.626	71.620	35.006	20	8.740	1.759	2.495	116.082	80.340	35.742
<b>I</b>	<b>Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết.</b>				51.641	49.146		49.146	49.146	0	0	0	0	2.495	51.641	49.146	2.495
1	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tại chỗ các thôn, bản, Trảng Bán, Đông Đăng, Thái Hà, La Xá, Bình Minh, xã Đông Vương, huyện Yên Thế	BQLDA ĐTXD huyện Yên Thế	2022-2024	Quyết định số 4140/QĐ-UBND ngày 28/9/2022	19.146	19.146		19.146	19.146	0					19.146	19.146	
2	Dự án quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tại chỗ thuộc thôn Sán, Dân và Dân 3, xã Hữu Sán; Tổ dân phố Mậu, Tổ dân phố Thanh Chung, thị trấn Yên Tử; thôn Đông Riều, thôn Đông Mạ, thôn Bán, xã Dương Hưn, thôn Lọ, xã Lê Viễn; thôn Góc Sau, xã Giáo Liêm huyện Sơn Động	Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động	2023-2025	Quyết định 4388/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	32.495	30.000	2.495	30.000	30.000	0				2.495	32.495	30.000	2.495
<b>II</b>	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của tỉnh vực dân tộc</b>				14.562	8.740	0	0	0	0	0	8.740	0	0	8.740	8.740	0
1	Nội dung 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				14.562	8.740	0	0	0	0	0	8.740	0	0	8.740	8.740	0
1.1	Công hòa đường giao thông đến trung tâm xã, liên xã				14.562	8.740	0	0	0	0	0	8.740	0	0	8.740	8.740	0

(Kế

Đơn vị tính: Triệu đồng



Stt	Danh mục	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh								
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó:		Tổng số	Ngân sách trung ương		Ngân sách tỉnh	Trong đó				
						Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Giảm	Tăng		Giảm	Tăng	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	
1.1.1	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Hương Lạc - Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	ROEDA DTXD huyện Lạng Giang	2024-2026	Quyết định 4919/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	14.562	8.740	0	0	0	0	8.740	0	0	8.740	0	
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực				58.338	18.000	40.388	53.006	18.000	35.006	0	1.759	0	51.247	18.000	33.247
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số				58.338	18.000	40.388	53.006	18.000	35.006	0	1.759	0	51.247	18.000	33.247
1.1	Dự án đầu tư cơ sở vật chất các trường PTDTNT tỉnh, PTDTNT huyện Sơn Đông, PTDTNT huyện Lục Ngạn theo chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025	BOLDAPT XDCTDD và CN tỉnh	2022-2025	Quyết định số 2878/QĐ UBND ngày 31/8/2022	58.338	18.000	40.388	53.006	18.000	35.006		1.759		51.247	18.000	33.247
V	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình				4.474	4.474	0	4.474	4.474	0	26	0	0	4.454	4.454	0
1	Đầu tư xây dựng, nâng cấp phòng họp trực tuyến tại Ban Dân tộc và 04 huyện Lục Nam; Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Thế	Ban Dân tộc	2024-2025	Quyết định số 196/QĐ STTTT ngày 03/4/2024	4.474	4.474	0	4.474	4.474		20			4.454	4.454	





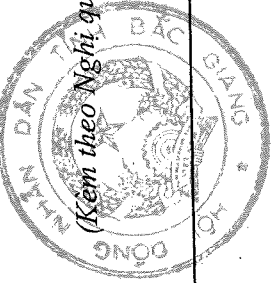
## **PHỤ LỤC 3.1**

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
GIAI ĐOẠN 2021-2025**





**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
GIAI ĐOẠN 2021-2025**



(Kèm theo Nghị quyết số: 91/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

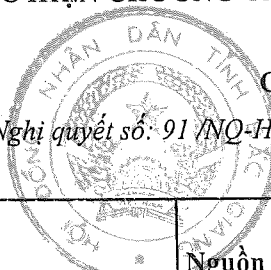
TT	Đơn vị/Nội dung	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh)	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh)	Điều chỉnh Nguồn vốn ngân sách trung ương		Nguồn vốn ngân sách trung ương sau điều chỉnh
				Giảm	Tăng	
	<b>TỔNG SỐ</b>	646.334	62.924	45.724	45.724	617.810
I	Tổng kế hoạch vốn các xã của UBND các huyện, thành phố	606.334	52.924	0	45.724	613.534
II	Chương trình môi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025	0	10.000	10.000	0	0
III	Hỗ trợ hợp tác xã và dự phòng	40.000	0	35.724	0	4.276



**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Giao cho: UBND thành phố Bắc Giang

(Kèm theo Nghị quyết số: 91/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)



TT	Đơn vị/Nội dung	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh)	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh)	Kế hoạch vốn đầu phát triển ngân sách trung ương bổ sung giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu phát triển ngân sách trung ương sau bổ sung giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>31.234</b>	<b>2.620</b>	<b>3.380</b>	<b>37.234</b>
1	Xã Yên Lư	3.257	262	338	3.857
2	Xã Đồng Phúc	3.257	262	338	3.857
3	Xã Xuân Phú	3.090	262	338	3.690
4	Xã Tiến Dũng	3.090	262	338	3.690
5	Xã Tư Mại	3.090	262	338	3.690
6	Xã Quỳnh Sơn	3.090	262	338	3.690
7	Xã Lãng Sơn	3.090	262	338	3.690
8	Xã Đồng Việt	3.090	262	338	3.690
9	Xã Trí Yên	3.090	262	338	3.690
10	Xã Đức Giang	3.090	262	338	3.690


Ghi chú: UBND Thành phố Bắc Giang giao kế hoạch chi tiết



**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Giao cho: UBND thị xã Việt Yên

(Kèm theo Nghị quyết số: 91/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)



TT	Đơn vị/Nội dung	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh)	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh)	Kế hoạch vốn đầu phát triển ngân sách trung ương bổ sung giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu phát triển ngân sách trung ương sau bổ sung giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	24.720	2.096	2.704	29.520
1	Xã Hương Mai	3.090	262	338	3.690
2	Xã Việt Tiến	3.090	262	338	3.690
3	Xã Thượng Lan	3.090	262	338	3.690
4	Xã Trung Sơn	3.090	262	338	3.690
5	Xã Nghĩa Trung	3.090	262	338	3.690
6	Xã Minh Đức	3.090	262	338	3.690
7	Xã Văn Hà	3.090	262	338	3.690
8	Xã Tiên Sơn	3.090	262	338	3.690

Ghi chú: UBND Thị xã Việt Yên giao kế hoạch chi tiết



**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Giao cho: UBND thị xã Chũ

(Kèm theo Nghị quyết số: 91/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

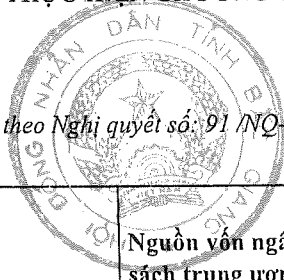
TT	Đơn vị/Nội dung	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh)	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh)	Kế hoạch vốn đầu phát triển ngân sách trung ương bổ sung giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu phát triển ngân sách trung ương sau bổ sung giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	25.920	2.358	1.690	29.968
1	Xã Kiên Lao	13.226	1.310	338	14.874
2	Xã Nam Dương	3.257	262	338	3.857
3	Xã Kiên Thành	3.257	262	338	3.857
4	Xã Quý Sơn	3.090	262	338	3.690
5	Xã Mỹ An	3.090	262	338	3.690

Ghi chú: UBND thị xã Chũ giao kế hoạch chi tiết





**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
GIAI ĐOẠN 2021-2025**



Giao cho: UBND huyện Lục Ngạn

(Kèm theo Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Nội dung	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh)	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh)	Kế hoạch vốn đầu phát triển ngân sách trung ương bổ sung giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu phát triển ngân sách trung ương sau bổ sung giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>57.352</b>	<b>5.240</b>	<b>3.740</b>	<b>66.332</b>	
1	Xã Tân Hoa	13.226	1.310	338	14.874	
2	Xã Tân Lập	13.226	1.310	338	14.874	
3	Xã Tân Sơn	2.224	-	338	2.562	Xã KVIII trong KH đạt chuẩn NTM năm 2024
4	Xã Giáp Sơn	3.090	262	338	3.690	
5	Xã Tân Mộc	3.090	262	338	3.690	
6	Xã Tân Quang	3.090	262	338	3.690	
7	Xã Biên Sơn	3.090	262	338	3.690	
8	Xã Đồng Cốc	3.090	262	338	3.690	
9	Xã Kim Sơn	13.226	1.310	1.036	15.572	Thêm 22 triệu đồng do dư khi làm tròn hệ số của toàn tỉnh

Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết



**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Giao cho: UBND huyện Sơn Động

(Kèm theo Nghị quyết số: 91/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Nội dung	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh)	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh)	Kế hoạch vốn đầu phát triển ngân sách trung ương bổ sung giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu phát triển ngân sách trung ương sau bổ sung giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>	25.379	1.572	2.028	28.979	
1	Xã Tuấn Đạo	13.226	1.310	338	14.874	
2	Xã Long Sơn	3.257	262	338	3.857	
3	Xã Dương Hưu	2.224	-	338	2.562	Xã KVIII đã đạt chuẩn NTM năm 2023
4	Xã Yên Định	2.224	-	338	2.562	Xã KVIII đã đạt chuẩn NTM năm 2023
5	Xã Vĩnh An	2.224	-	338	2.562	Xã KVIII trong KH đạt chuẩn NTM năm 2024
6	Xã Đại Sơn	2.224	-	338	2.562	Xã KVIII trong KH đạt chuẩn NTM năm 2024

Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết



**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Giao cho: UBND huyện Yên Thế

(Kèm theo Nghị quyết số: 91/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

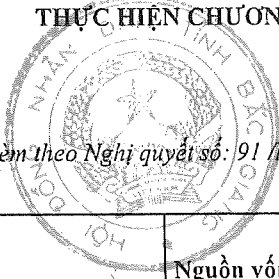
ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Nội dung	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh)	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh)	Kế hoạch vốn đầu phát triển ngân sách trung ương bổ sung giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu phát triển ngân sách trung ương sau bổ sung giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>151.127</b>	<b>14.672</b>	<b>7.508</b>	<b>173.307</b>	
1	Xã Đồng Kỳ	16.483	1.572	338	18.393	
2	Xã Tân Hiệp	26.492	2.620	338	29.450	
3	Xã Tân Sỏi	13.266	1.310	338	14.914	
4	Xã Đông Sơn	13.266	1.310	338	14.914	
5	Xã Đồng Hưu	13.266	1.310	338	14.914	
6	Xã Đồng Tâm	3.090	262	338	3.690	
7	Xã An Thượng	3.090	262	338	3.690	
8	Xã Hương Vỹ	3.090	262	338	3.690	
9	Xã Đồng Lạc	3.090	262	338	3.690	
10	Xã Xuân Lương	3.090	262	338	3.690	
11	Xã Tam Tiến	13.226	1.310	1.032	15.568	Thêm 18 triệu đồng do dư khi làm tròn hệ số của toàn tỉnh
12	Xã Canh Nậu	13.226	1.310	1.032	15.568	Thêm 18 triệu đồng do dư khi làm tròn hệ số của toàn tỉnh
13	Xã Đồng Tiến	13.226	1.310	1.032	15.568	Thêm 18 triệu đồng do dư khi làm tròn hệ số của toàn tỉnh
14	Xã Tiến Thắng	13.226	1.310	1.032	15.568	Thêm 18 triệu đồng do dư khi làm tròn hệ số của toàn tỉnh

Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết



**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
GIAI ĐOẠN 2021-2025**



Giao cho: UBND huyện Lục Nam

(Kèm theo Nghị quyết số: 91/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Nội dung	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh)	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh)	Kế hoạch vốn đầu phát triển ngân sách trung ương bổ sung giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu phát triển ngân sách trung ương sau bổ sung giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>98.688</b>	<b>8.122</b>	<b>7.436</b>	<b>114.246</b>	
1	Xã Yên Sơn	13.226	1.310	338	14.874	
2	Xã Trường Giang	13.226	1.310	338	14.874	
3	Xã Tam Dị	3.257	262	338	3.857	
4	Xã Nghĩa Phương	3.258	262	338	3.858	
5	Xã Đan Hội	3.259	262	338	3.859	
6	Xã Thanh Lâm	3.260	262	338	3.860	
7	Xã Trường Sơn	2.224	-	338	2.562	Xã KVIII đã đạt chuẩn NTM năm 2023
8	Xã Vô Tranh	2.224	-	338	2.562	Xã KVIII đã đạt chuẩn NTM năm 2023
9	Xã Bình Sơn	2.224	-	338	2.562	Xã KVIII đã đạt chuẩn NTM năm 2023
10	Xã Lục Sơn	2.224	-	338	2.562	Xã KVIII đã đạt chuẩn NTM năm 2023
11	Xã Bảo Đài	3.090	262	338	3.690	
12	Xã Đông Hưng	3.090	262	338	3.690	
13	Xã Đông Phú	3.090	262	338	3.690	
14	Xã Bắc Lũng	3.090	262	338	3.690	
15	Xã Chu Điện	3.090	262	338	3.690	
16	Xã Khám Lạng	3.090	262	338	3.690	
17	Xã Bảo Sơn	3.090	262	338	3.690	
18	Xã Cẩm Lý	16.316	1.572	338	18.226	
19	Xã Lan Mẫu	3.090	262	338	3.690	
20	Xã Cương Sơn	3.090	262	338	3.690	
21	Xã Huyền Sơn	3.090	262	338	3.690	
22	Xã Tiên Nha	3.090	262	338	3.690	

Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết





**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
GIAI ĐOẠN 2021-2025**



Giao cho: UBND huyện Lạng Giang

(Kèm theo Nghị quyết số: 91/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

TT	Đơn vị/Nội dung	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh)	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh)	Kế hoạch vốn đầu phát triển ngân sách trung ương bổ sung giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu phát triển ngân sách trung ương sau bổ sung giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>58.710</b>	<b>4.978</b>	<b>5.746</b>	<b>69.434</b>
1	Xã Quang Thịnh	3.090	262	338	3.690
2	Xã Nghĩa Hòa	3.090	262	338	3.690
3	Xã Tân Hưng	3.090	262	338	3.690
4	Xã Đại Lâm	3.090	262	338	3.690
5	Xã Mỹ Thái	3.090	262	338	3.690
6	Xã Nghĩa Hưng	3.090	262	338	3.690
7	Xã Tân Dĩnh	3.090	262	338	3.690
8	Xã Xương Lâm	3.090	262	338	3.690
9	Xã Thái Đào	3.090	262	338	3.690
10	Xã Tiên Lục	6.180	524	338	7.042
11	Xã Hương Lạc	6.180	524	338	7.042
12	Xã Đào Mỹ	3.090	262	338	3.690
13	Xã Xuân Hương	3.090	262	338	3.690
14	Xã Hương Sơn	3.090	262	338	3.690
15	Xã Tân Thanh	3.090	262	338	3.690
16	Xã Dương Đức	3.090	262	338	3.690
17	Xã An Hà	3.090	262	338	3.690


Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết



**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Giao cho: UBND huyện Hiệp Hòa

(Kèm theo Nghị quyết số: 91/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)



TT	Đơn vị/Nội dung	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh)	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh)	Kế hoạch vốn đầu phát triển ngân sách trung ương bổ sung giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu phát triển ngân sách trung ương sau bổ sung giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>71.404</b>	<b>6.026</b>	<b>5.746</b>	<b>83.176</b>
1	Xã Mai Đình	3.257	262	338	3.857
2	Xã Châu Minh	3.257	262	338	3.857
3	Xã Danh Thắng	3.090	262	338	3.690
4	Xã Mai Trung	3.090	262	338	3.690
5	Xã Đông Lỗ	3.090	262	338	3.690
6	Xã Thường Thắng	3.090	262	338	3.690
7	Xã Đoàn Bái	3.090	262	338	3.690
8	Xã Xuân Cẩm	3.090	262	338	3.690
9	Xã Ngọc Sơn	3.090	262	338	3.690
10	Xã Hoàng Vân	6.180	524	338	7.042
11	Xã Hương Lâm	3.090	262	338	3.690
12	Xã Hợp Thịnh	3.090	262	338	3.690
13	Xã Lương Phong	3.090	262	338	3.690
14	Xã Đông Tiến	6.180	524	338	7.042
15	Xã Sơn Thịnh	9.270	786	338	10.394
16	Xã Hùng Thái	6.180	524	338	7.042
17	Xã Toàn Thắng	6.180	524	338	7.042

Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết



Biểu số 3.I.11

**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Giao cho: UBND huyện Tân Yên

*(Kèm theo Nghị quyết số: 91/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)*



TT	Đơn vị/Nội dung	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh)	Nguồn vốn ngân sách trung ương (đã giao theo quyết định số Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh)	Kế hoạch vốn đầu phát triển ngân sách trung ương bổ sung giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu phát triển ngân sách trung ương sau bổ sung giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>61.800</b>	<b>5.240</b>	<b>5.746</b>	<b>72.786</b>
1	Xã Quế Nham	3.090	262	338	3.690
2	Xã Ngọc Châu	3.090	262	338	3.690
3	Xã Phúc Hòa	3.090	262	338	3.690
4	Xã Hợp Đức	3.090	262	338	3.690
5	Xã Việt Lập	3.090	262	338	3.690
6	Xã Việt Ngọc	3.090	262	338	3.690
7	Xã Ngọc Thiện	3.090	262	338	3.690
8	Xã An Dương	3.090	262	338	3.690
9	Xã Liên Sơn	3.090	262	338	3.690
10	Xã Ngọc Lý	3.090	262	338	3.690
11	Xã Song Vân	3.090	262	338	3.690
12	Xã Ngọc Vân	3.090	262	338	3.690
13	Xã Liên Chung	3.090	262	338	3.690
14	Xã Cao Xá	3.090	262	338	3.690
15	Xã Tân Trung	3.090	262	338	3.690
16	Xã Quang Trung	9.270	786	338	10.394
17	Xã Lam Sơn	6.180	524	338	7.042

*Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết*



## **PHỤ LỤC 3.II**

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TỈNH THỰC  
HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI  
ĐOẠN 2021-2025**





**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TỈNH  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số: 91/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Nội dung	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (đã giao tại quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh)	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022; 1374/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 và số 699/QĐ-UBND ngày 21/7/2024	Điều chỉnh vốn đầu tư ngân sách tỉnh		Nguồn vốn ngân sách tỉnh sau điều chỉnh
				Giảm	Tăng	
	<b>TỔNG SỐ</b>	77.500	67.900	23.200	23.200	87.900
I	Tổng kế hoạch vốn các xã của UBND các huyện, thành phố	0	0	0	1.000	1.000
I	Huyện Hiệp Hoà (xã Hùng Thái)	0	0	0	1.000	1.000
II	Khen thưởng địa phương làm tốt	44.700	47.300	2.600		44.700
III	Huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM nâng cao (Huyện Tân Yên)	20.000	0	0	22.200	42.200
IV	Hỗ trợ hợp tác xã và dự phòng	12.800	20.600	20.600	0	0



Biểu số 3.II.02

**BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH TỈNH  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Giao cho: UBND huyện Hiệp Hòa

(Kèm theo Nghị quyết số: 91/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Nguồn vốn ngân sách tỉnh (đã giao theo quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh)	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 27/7/2022; 1374/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 và số 699/QĐ-UBND ngày 21/7/2024	Ngân sách tỉnh điều chỉnh giảm	Ngân sách tỉnh điều chỉnh tăng	Ngân sách tỉnh sau điều chỉnh
	<b>TỔNG SỐ</b>	0	0	0	1.000	1.000
1	Xã Hùng Thái	0	0	0	1.000	1.000

Ghi chú: UBND huyện giao kế hoạch chi tiết

